

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH K
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: /2025/DSST-HNGĐ

Ngày: 20/6/2025

V/v: Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH K – TP CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Võ Hồng T**

Các Hội thẩm nhân dân: 1./Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**
2./Bà **Nguyễn Thị Hoàng O**

Thư ký phiên toà: Bà **Võ An T** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh K, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 249/2025/TLST-HNGĐ ngày 16/5/2025 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 411/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lương Ngọc T**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: 6/24A, Mậu T, phường Xuân K, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Mạch Quang T**, sinh năm: 1962

Địa chỉ: 6/24A, Mậu T, phường Xuân K, quận Ninh K, thành phố Cần

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn - Bà Lương Ngọc T trình bày: Vào ngày 02/4/2003 tôi và anh Mạch Quang T sau một thời gian quen biết đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An C, thuộc thành phố Cần Thơ tại số 48, Quyền số 01. Trong thời gian chung sống, chúng tôi có một con chung tên là Mạch Kỳ B (giới tính nam) sinh ngày 25/12/2004. Thời gian gần đây chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, tôi đã nỗ lực hàn gắn mối quan hệ nhưng bất thành. Anh Tr làm nghề mài kèm kéo, thu nhập bấp bênh, đã 15 năm qua kinh tế gia đình khó khăn 01 mình bà T gồng gánh, thêm phần anh T bị bệnh lãng tai nên khi đi làm về mệt mỏi hay có áp lực bà T muốn tâm sự với chồng mà không thể chia sẻ được với nhau nên dần theo thời gian vợ chồng xa cách tình cảm không còn gắn bó kiểu đồng vợ đồng chồng. Ngoài ra anh T còn lên mạng xã hội chat nói chuyện với phụ nữ khác nên bà T cảm thấy tổn thương. Khi con trai còn nhỏ bà T ráng sống cuộc sống như thế để cho con đủ cha đủ mẹ. Nay bé đã 21 tuổi đã trưởng thành và vợ chồng bà T đã 04 năm ly thân nhau. Sau một thời gian suy nghĩ thấu đáo, tôi nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, chúng tôi không thể tiếp tục chung sống nên

làm đơn này gửi đến Tòa án nhân dân quận Ninh K yêu cầu giải quyết ly hôn cho tôi và anh Mạch Quang T.

- Về con chung: đã trưởng thành, không xem xét đến.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Phía bị đơn trình bày: Ông Mạch Quang T xác định lời trình bày của bà T như trên là đúng. Ông T còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với bà T. Ông xác nhận ông có lên mạng xã hội kết bạn làm quen một số người nữ để trò chuyện những chuyện mà tôi không thể nói với ai và mình cũng yên tâm là họ cũng không có kiểm mình gây chuyện. Tôi cho họ biết là tôi có gia đình con cái và kể cho họ những khó khăn tôi gặp phải trong cuộc sống. Tôi không có ý nghĩ ngoại tình. Chỉ mong những tâm sự này có động lực cho tôi trong cuộc sống khó khăn khi tôi đã lớn tuổi rồi.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Mạch Kỳ B nay đã trưởng thành.
- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T bổ sung ý kiến: ông không đồng ý về việc vợ nói đã gồng gánh kinh tế gia đình 15 năm qua. Ông cho rằng lúc vừa cưới xong tầm thời gian 7, 8 năm đầu sau cưới ông T còn làm mài kềm, dao, kéo ở trong chùa sau đó nhà chùa không cho làm nữa nên ông dời ra chợ làm thì thu nhập ít lại. Vợ chồng ly thân chỉ 5-6 tháng nay.

Bà T xác nhận lúc sau khi cưới mỗi ngày anh T có đưa tiền chợ 1 ngày cho bà 50.000đồng. Thời gian đưa khoảng được 6 năm. Bà T vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Mạch Quang T.

Do các bên hòa giải đoàn tụ không thành, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn – bà Lương Ngọc T và bị đơn - ông Mạch Quang T kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường An C, thuộc thành phố Cần Thơ tại số 48, Quyền số 01 vào ngày 02/4/2003 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại 6/24A đường Mậu T, phường Xuân K, quận Ninh K, TP. Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh K theo Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:* Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt có lý do. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản

tổ tụng và Quyết định về việc mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về Nội dung vụ kiện:*

- Về hôn nhân: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn về ý kiến trình bày, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà Lương Ngọc T và bị đơn - ông Mạch Quang T có sự bất đồng về quan điểm sống, đời sống hôn nhân không hòa hợp, không còn tiếng nói chung và cùng chí hướng để cùng nhau xây dựng vun vén cho hạnh phúc của gia đình dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt. Bà Lương Ngọc T cương quyết không muốn tiếp tục chung sống hôn nhân với ông Mạch Quang T do tình cảm đã rạn nứt, ông không thể chia sẻ với bà ở nhiều khía cạnh của cuộc sống vợ chồng. Tòa án cũng đã tiến hành phiên hòa giải đoàn tụ hàn gắn cho 02 ông bà tuy nhiên sau thời gian cho các bên suy nghĩ khắc phục đời sống hôn nhân vợ chồng của bà T ông T không được cải thiện hạnh phúc. Tại phiên tòa xét xử công khai, bà Lương Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với ông Mạch Quang T. Bà T cho rằng việc anh T lên mạng xã hội chat nói chuyện với phụ nữ khác nên bà T cảm thấy tổn thương. Khi con trai còn nhỏ bà T ráng sống cuộc sống như thế để cho con đủ cha đủ mẹ, nay con chung tên Mạch Kỳ B đã 21 tuổi đã trưởng thành... bà T nguyện vọng được ly hôn ông T. Từ những lời trình bày trên cho thấy mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân của ông, bà là có thật và đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tiếng nói chung. Đối với các lời trình bày của ông Mạch Quang T là chưa thuyết phục được Hội đồng xét xử. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Lương Ngọc T đối với ông Mạch Quang T là có căn cứ để chấp nhận.

- Về con chung hiện đã trưởng thành nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: các bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về án phí và quyền kháng cáo:* Theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 39 Khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 238 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Các Điều 51, Điều 56, 57, 58, và Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lương Ngọc T đối với ông Mạch Quang T

Về con chung: cháu Mạch Kỳ B sinh ngày 24/12/2004 đã trưởng thành nên Tòa án không đề cập xem xét đến.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Lương Ngọc T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006082 ngày 21/4/2025 thành án phí.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Hội Thẩm Nhân Dân

Thẩm phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nguyễn Thị Ngọc T Nguyễn Thị Hoàng O

Võ Hồng T